

# PHÁT TRIỂN CÁC KHU CÔNG NGHIỆP TỈNH BẾN TRE ĐẾN NĂM 2025

## Development of Industrial Parks in Ben Tre province to 2025

Phạm Huỳnh Phước<sup>1</sup>

<sup>1</sup>Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Long An, Việt Nam  
phphuocqt4@hv.dla.edu.vn

**Tóm tắt** — Sự phát triển các Khu công nghiệp tỉnh Bến Tre đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát triển các Khu công nghiệp trong tỉnh còn gặp nhiều hạn chế. Trên cơ sở phân tích, đánh giá thực trạng phát triển các Khu công nghiệp giai đoạn 2016 - 2020, tác giả đã đưa ra giải pháp như: Giải pháp thúc đẩy nâng cao hiệu quả kinh tế, hiệu quả hệ thống của các Khu công nghiệp, giải pháp thúc đẩy nâng cao khả năng cạnh tranh và thu hút đầu tư nhằm phát triển các Khu công nghiệp tỉnh Bến Tre đến năm 2025.

**Abstract** — The development of industrial zones in Ben Tre province has achieved certain results, contributing to socio-economic development. However, besides the achieved results, the development of industrial zones in the province still faces many limitations. On the basis of analyzing and evaluating the current situation of industrial parks development in the period of 2016 - 2020, the author has proposed solutions such as: Solutions to improve economic efficiency and system efficiency of Industrial Parks, solutions to promote competitiveness and attract investment in order to develop industrial zones in Ben Tre province by 2025.

**Từ khóa** — Khu Công nghiệp, phát triển, Bến Tre, industrial zones, development.

### 1. Giới thiệu

Theo Cục Thống kê tỉnh Bến Tre (2020), Bến Tre là một trong những tỉnh đồng bằng sông Cửu Long, có diện tích tự nhiên là 2.322 km<sup>2</sup> với vùng lãnh hải rộng khoảng 20.000 km<sup>2</sup>, được hình thành bởi cù lao An Hoà, cù lao Bảo, cù lao Minh và do phù sa của 4 nhánh sông Cửu Long bồi tụ mà thành (gồm sông Tiền dài 83 km, sông Ba Lai 59 km, sông Hàm Luông 71 km, sông Cổ Chiên 82 km). Trong những năm qua, thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát huy các thế mạnh của tỉnh phát triển kinh tế - xã hội, Bến Tre xem việc quy hoạch xây dựng và phát triển các Khu công nghiệp (KCN) là khâu đột phá trong việc đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp.

Tính đến hết năm 2020, tỉnh Bến Tre có 08 KCN được Chính phủ phê duyệt, trong đó có 02 KCN đã đi vào hoạt động chính thức với tỷ lệ lấp đầy 100%. Sự phát triển các KCN tỉnh Bến Tre đã đạt được những kết quả nhất định, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội, thể hiện qua một số mặt sau: Thu hút được một lượng lớn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nâng cao hiệu quả sử dụng đất; thúc đẩy tăng trưởng sản xuất công nghiệp, nâng cao giá trị xuất khẩu, giải quyết công ăn việc làm. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, việc phát triển các KCN trong tỉnh còn gặp nhiều hạn chế như: Chất lượng phát triển các KCN còn thấp; hiệu quả hoạt động các KCN chưa cao; chưa thu hút được nhiều dự án chất lượng, việc quy hoạch, xây dựng và phát triển KCN còn diễn ra riêng lẻ mà chưa tính đến yếu tố liên kết vùng và ngành. Xuất phát từ những hạn chế nêu trên và nhận thức tầm quan trọng, ý nghĩa của việc phát triển các KCN tỉnh Bến Tre trong điều kiện hội nhập và phát triển, bài viết này được thực hiện nhằm đề xuất một số giải pháp nhằm phát triển các KCN tại tỉnh Bến Tre đến năm 2025.

### 2. Thực trạng phát triển các Khu công nghiệp tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016 - 2020

#### 2.1. Tổng quan về Khu công nghiệp và tình hình kinh tế xã hội tỉnh Bến Tre

Theo Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre (2020), Ban quản lý các KCN tỉnh Bến Tre là cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre, thực hiện chức năng quản lý Nhà nước trực tiếp đối

với các KCN, tổ chức cung cấp dịch vụ hành chính công và dịch vụ hỗ trợ khác có liên quan đến hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh đối với nhà đầu tư trong KCN. Nhờ thực hiện đồng bộ các giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, nâng cao năng lực sản xuất, phát triển thị trường và đẩy mạnh xuất khẩu nên kim ngạch xuất khẩu của toàn tỉnh Bến Tre giai đoạn 2018 - 2020 tăng trưởng mạnh. Tỷ lệ tăng trưởng các doanh nghiệp trong Khu công nghiệp cũng rất tích cực, năm 2018 - 2020 tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu so với toàn tỉnh có xu hướng tăng, đến năm 2020 có giảm nhẹ do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19.

Bến Tre là một tỉnh nông nghiệp với thế mạnh là kinh tế vườn và kinh tế biển với khoảng 72.770 ha cây dừa, 27.855 ha cây ăn trái, 45.000 ha nuôi thủy sản và 3.845 tàu khai thác thủy sản. Bến Tre có 02 KCN gồm Giao Long (quy mô 170 ha) và An Hiệp (quy mô 72 ha) thuộc huyện Châu Thành đã lấp đầy 100% diện tích và đang triển khai xây dựng KCN Phú Thuận (quy mô 230 ha, thuộc huyện Bình Đại), 10 cụm công nghiệp ở các huyện với tổng diện tích 347,3 ha có 57 làng nghề đã được công nhận.

Theo Đan Đức Hiệp (2012), tên gọi thường gắn với mục tiêu hoạt động của chính KCN đó. Các tên gọi thường được sử dụng gồm: Industrial Processing Zones, Export Processing Zones, Business Park, Science and Research Park, High - Tech Centers, Bio - Technology Park, Eco - Industrial Park, Industrial Zones, Industrial Cluster. Ở Việt Nam, các loại hình KCN phổ biến gồm: KCN truyền thống, KCN hỗ trợ, KCN sinh thái, khu chế xuất.

Theo Nguyễn Ngọc Dũng (2015), hoạt động trong các KCN được quản lý bởi Ban quản lý các KCN. Ban quản lý các KCN là cơ quan đầu mối quản lý hoạt động đầu tư trong các KCN trên địa bàn. Các bộ, ngành, cơ quan quản lý Nhà nước ở địa phương khi triển khai các nhiệm vụ chuyên môn tại các KCN có trách nhiệm phối hợp và lấy ý kiến tham gia của Ban quản lý các KCN đảm bảo cho hoạt động quản lý Nhà nước thống nhất, tránh chồng chéo và tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động theo quy định của pháp luật.

Theo Phạm Kim Thư (2016), Ban quản lý thực hiện chức năng quản lý các KCN thông qua việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch phát triển, hỗ trợ thành lập, đầu tư, xây dựng, thực hiện thủ tục hành chính, quản lý việc tuân thủ pháp luật, thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm trong các KCN.

## 2.2. Thực trạng phát triển các Khu công nghiệp tỉnh Bến Tre

### 2.2.1. Quy hoạch phát triển các Khu công nghiệp tỉnh Bến Tre:

Hiện nay, Bến Tre chỉ có 2 KCN đã triển khai hoàn thành hạ tầng kỹ thuật và doanh nghiệp đã thuê đất đi vào hoạt động là:

- Khu công nghiệp Giao Long gồm Giao Long I và Giao Long II.
- Khu công nghiệp An Hiệp.

*Bảng 1. Các Khu công nghiệp đang hoạt động trên địa bàn tỉnh Bến Tre*

STT	Tên Khu công nghiệp	Địa điểm	Diện tích (ha)	Tình hình triển khai
1	Giao Long giai đoạn I	Xã An Phước, Châu Thành	96,3	Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật và doanh nghiệp đã đăng ký thuê đất 100% diện tích xây dựng nhà máy.
2	Giao Long giai đoạn II	Xã An Phước, Châu Thành	68,04	Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật và doanh nghiệp đã đăng ký thuê đất 100% diện tích xây dựng nhà máy.
3	An Hiệp	Xã An Hiệp, huyện Châu Thành	72	Đã hoàn thành hạ tầng kỹ thuật và doanh nghiệp đã đăng ký thuê đất 100% diện tích xây dựng nhà máy.

*Nguồn: Ban quản lý các KCN tỉnh Bến Tre*

Ngoài ra, Bến Tre có 06 KCN được phê duyệt quy hoạch, đó là: KCN An Hiệp mở rộng, KCN Giao Hòa, KCN Phước Long, KCN Phú Thuận, KCN Thanh Tân và KCN Thành Thới.

**Bảng 2. Thu hút đầu tư tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016 - 2020**

TT	Chỉ tiêu	Năm				
		2016	2017	2018	2019	2020
1	Nhà đầu tư đăng ký mới	03	03	01	03	0
2	Lũy kế số dự án	45	48	49	52	52
3	Vốn triển khai thực hiện (tỷ đồng)	1160	870	1995	1200	865

*Nguồn: Tác giả tổng hợp*

Đến năm 2020, trong các KCN có 52 dự án đầu tư thứ cấp còn hiệu lực. Trong đó có 29 dự án trong nước với vốn đăng ký là 7109,77 tỷ đồng và 23 dự án có vốn đầu tư nước ngoài với vốn đăng ký là 445,8 triệu USD.

**Bảng 3. Đóng góp vào phát triển kinh tế tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016 - 2020**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm					Tăng bình quân năm
			2016	2017	2018	2019	2020	
1	Giá trị sản xuất công nghiệp của các Khu công nghiệp	Tỷ đồng	11.780	12.500	15.755	17.500	20.537	15.15
	Giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh	Tỷ đồng	20.448	24.800	26.750	30.200	33.600	13.33
	Tỷ trọng trong giá trị sản xuất công nghiệp của tỉnh	%	57,6	50,4	58,90	57,95	61,12	
2	Kim ngạch xuất khẩu của Khu công nghiệp	Triệu USD	530	580	753	410	880	27.09
	Kim ngạch xuất khẩu của tỉnh	Triệu USD	790	830	960	1.162	1.412	15.82
	Tỷ trọng trong kim ngạch xuất khẩu của tỉnh	%	67,09	69,88	78,44	35,28	62,32	

*Nguồn: Tác giả tổng hợp*

Qua bảng 3 cho thấy tốc độ tăng trưởng bình quân giá trị sản xuất công nghiệp của các KCN khá tích cực với tốc độ tăng trưởng 15,15%/năm (2016 - 2020), cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân năm của tỉnh (2016 - 2020) là 13,33%/năm.

Kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp trong KCN tăng trưởng tích cực, tốc độ tăng trưởng bình quân là 27,09%/năm (2016 - 2020), cao hơn tốc độ tăng trưởng bình quân kim ngạch xuất khẩu cả tỉnh với tỉ trọng 67,09% năm 2016 và 62,32% năm 2020 trong tổng kim ngạch xuất khẩu của tỉnh. Điều này cho thấy các KCN đã giữ vai trò quan trọng và đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bến Tre.

### 2.2.2. Thực trạng phát triển các Khu công nghiệp tỉnh Bến Tre về chất lượng:

Tính đến cuối năm 2020, tổng số lao động trong các KCN là 35.712 người, trong đó có 266 lao động nước ngoài, số lao động tham gia bảo hiểm xã hội là 32.071 người đạt 89,8% tổng số lao động. Qua số liệu thống kê ở bảng 4 cho thấy, năng suất lao động/tháng tính theo giá trị sản xuất của các KCN tại Bến Tre có tăng, giảm qua các năm.

**Bảng 4. Năng suất lao động của các Khu công nghiệp tỉnh Bến Tre giai đoạn 2016 - 2020**

TT	Chi tiêu	Đơn vị tính	Năm				
			2016	2017	2018	2019	2020
1	Vốn đầu tư	Tỷ đồng	11.833	12.992	14.792	15.427	15.813
2	Giá trị sản xuất công nghiệp	Tỷ đồng	11.780	12.500	15.755	17.500	20.537
3	Kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	530	580	753	410	880
4	Tổng số lao động làm việc tại các Khu công nghiệp	Người	29.987	33.000	34.870	35.000	35.712
5	Năng suất lao động bình quân/người/tháng	Triệu đồng	32.74	31.57	37.65	41.67	47.92

Nguồn: Ban quản lý các KCN tỉnh Bến Tre

Năng suất thấp nhất là năm 2017 chỉ đạt 31,57 triệu đồng/người và cao nhất là năm 2020 đạt 47,92 triệu đồng, tăng 19,8 triệu đồng/người so với năm 2017. Tuy nhiên, năm 2017 chỉ đạt 31,57 triệu đồng/người giảm 1,17 triệu đồng/người so với năm 2016.

### 2.2.3. Thực trạng phát triển các Khu công nghiệp tỉnh Bến Tre về hệ thống:

Năm 2015 giá trị sản xuất công nghiệp hỗ trợ đạt 6.051,53 tỷ đồng, chiếm 31,29% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh và đến năm 2020 đạt 9.329,471 tỷ đồng, chiếm 27,77% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh. Giá trị sản xuất công nghiệp hỗ trợ giai đoạn 2016 - 2020 tăng trưởng bình quân 9,04%/năm, chiếm 33,10% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh.

Giai đoạn 2015 - 2020 đã thu hút được 08 dự án đầu tư ngành công nghiệp hỗ trợ với tổng vốn đầu tư khoảng 644,5 tỷ đồng. Lũy kế, đến thời điểm hiện tại đã thu hút 18 dự án đầu tư của ngành công nghiệp hỗ trợ với tổng vốn đầu tư là 3.786,5 tỷ đồng.

## 2.3. Đánh giá chung thực trạng phát triển các Khu công nghiệp tỉnh Bến Tre

### 2.3.1. Kết quả đạt được:

Thứ nhất, thu hút được một lượng lớn vốn đầu tư trong và ngoài nước, nâng cao hiệu quả sử dụng đất. Thúc đẩy tăng trưởng sản xuất công nghiệp, nâng cao giá trị xuất khẩu, giải quyết công ăn việc làm và tăng nguồn thu ngân sách.

Thứ hai, cơ bản hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng.

Thứ ba, góp phần thúc đẩy các ngành, các lĩnh vực khác phát triển.

Sự phát triển các KCN đã góp phần tạo điều kiện cho các ngành, lĩnh vực khác phát triển như: Đào tạo nghề, dịch vụ ăn uống, tư vấn, tài chính ngân hàng, bảo hiểm, phát triển đô thị, thi công xây dựng công trình, vận tải hàng hóa, cung ứng nguồn nhân lực, vệ sinh môi trường, thu gom xử lý rác thải công nghiệp.

Thứ tư, bước đầu góp phần tích cực vào bảo vệ môi trường sinh thái.

### 2.3.2. Một số hạn chế và nguyên nhân:

Thứ nhất, số lượng các KCN đã đi vào hoạt động không nhiều, chưa có nhiều doanh nghiệp lớn có khả năng dẫn dắt kinh tế tỉnh nhà.

Thứ hai, hàm lượng khoa học, công nghệ trong các dự án đầu tư còn thấp, chưa thể hiện được vai trò tiên phong của các KCN tác động lan tỏa về công nghệ đối với sự phát triển công nghiệp của địa phương.

Thứ ba, công tác quản lý KCN còn gặp nhiều khó khăn, hệ thống kết cấu hạ tầng thiếu đồng bộ.

Thứ tư, các ngành nghề thu hút đầu tư vào các KCN còn trùng lặp, chính sách thu hút không đồng bộ, thiếu gắn kết.

Thứ năm, chất lượng đào tạo nghề còn thấp chưa đáp ứng nhu cầu thị trường lao động.

Thứ sáu, thiếu quỹ đất sạch để thu hút đầu tư, công tác giải phóng mặt bằng vướng nhiều thủ tục pháp lý, kéo dài thời gian thực hiện và một số hộ dân còn khiếu kiện.

Thứ bảy, thiếu sự gắn kết, hợp tác lẫn nhau giữa các KCN và giữa các doanh nghiệp trong KCN.

### **3. Giải pháp phát triển các Khu công nghiệp tỉnh Bến Tre**

#### ***3.1. Thúc đẩy nâng cao khả năng cạnh tranh và thu hút đầu tư của các Khu công nghiệp***

Xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong và ngoài hàng rào các khu vực có xây dựng KCN. Đây mạnh đầu tư kết cấu hạ tầng theo hướng hình thành bộ khung kết cấu hạ tầng làm nền tảng cho phát triển kinh tế - xã hội, sớm hoàn thành xây dựng các công trình đường bộ, cảng biển nhằm phát huy lợi thế vị trí địa lý và lợi thế các ngành công nghiệp chủ lực của tỉnh.

Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư vào KCN: Tiếp tục nghiên cứu hình thành các KCN có quy mô hợp lý với doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp lớn. Phát triển KCN gắn với phát triển công nghiệp hỗ trợ tạo mạng liên kết sản xuất và hình thành chuỗi giá trị.

Cải thiện môi trường đầu tư nước ngoài trước hết cần phải khẳng định bằng việc làm nguyên tắc, thực hiện nhất quán và lâu dài chính sách thu hút nguồn lực từ bên ngoài.

Một trong những biện pháp xúc tiến vận động đầu tư hữu hiệu nhất để thu hút các nhà đầu tư nước ngoài là việc các cơ quan quản lý Nhà nước tỉnh Bến Tre tích cực tham gia giải quyết, xử lý và tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp trong quá trình xây dựng và sản xuất kinh doanh trong KCN.

Quảng bá tiềm năng, cơ hội đầu tư vào KCN: Cần tập trung nâng cao chất lượng thông tin tại website xúc tiến đầu tư của tỉnh Bến Tre qua hai kênh là Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các KCN.

Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các KCN: Trong thời gian vừa qua, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, tốc độ thu hút đầu tư nước ngoài vào Việt Nam nói chung và vào các địa phương như Bến Tre nói riêng suy giảm mạnh. Do vậy, Bến Tre cần có những giải pháp mang tính chiến lược dài hạn để thu hút đầu tư vào các KCN, đặc biệt là nguồn vốn nước ngoài.

#### ***3.2. Thúc đẩy nâng cao hiệu quả kinh tế, hiệu quả hệ thống của các Khu công nghiệp***

Hoàn thiện quy hoạch các KCN dựa trên sự hợp tác và liên kết: Cần tiếp tục rà soát bổ sung để đưa vào kế hoạch đầu tư phát triển đến năm 2025 và nhấn mạnh sự liên kết giữa các KCN và giữa Bến Tre với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, vùng đồng bằng sông Cửu Long và Thành phố Hồ Chí Minh đối với các lĩnh vực kinh tế công nghiệp cơ bản. Xây dựng kết cấu hạ tầng, giao thông vận tải, sử dụng đất và tài nguyên môi trường, phát triển các sản phẩm chế biến thủy hải sản, các sản phẩm từ trái dừa.

Chính sách phát triển lao động và đào tạo nghề, phù hợp với nhu cầu phát triển KCN: Hoàn thiện chính sách phát triển nguồn lao động KCN, phát triển cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực trong các KCN, nhất là về sức khỏe, đào tạo chuyên môn kỹ thuật và tay nghề, ý thức và sự hợp tác trong công việc, thái độ và tác phong làm việc. Đây mạnh liên kết giữa các cơ sở đào tạo, các doanh nghiệp và các cơ quan quản lý Nhà nước.

### 3.3. Tổ chức quản lý và thực thi các chính sách hỗ trợ cho các Khu công nghiệp

Nâng cao năng lực quản lý và kỹ thuật về môi trường cho các cơ quan quản lý Nhà nước, trang bị đầy đủ các trang thiết bị, phương tiện cần thiết. Tăng cường thanh, kiểm tra việc thi hành pháp luật về môi trường trong các KCN gắn với việc xử lý vi phạm một cách kiên quyết đồng thời xem xét điều chỉnh các chế tài để đảm bảo tính răn đe đối với hành vi vi phạm pháp luật về môi trường. Những dự án mới khi đầu tư vào KCN phải hoàn tất các hạng mục công trình xử lý chất thải mới được phép hoạt động.

Đẩy mạnh công tác phổ biến, giáo dục về bảo vệ môi trường, thường xuyên mở các lớp tập huấn nâng cao nhận thức, ý thức về bảo vệ môi trường cho mọi tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Xây dựng và nhân rộng các mô hình tự quản về bảo vệ môi trường trong khu dân cư, cơ quan và doanh nghiệp.

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa hoạt động bảo vệ môi trường là trách nhiệm chung của cộng đồng và người dân, đặc biệt đề cao trách nhiệm của các cơ sở sản xuất và dịch vụ. Đa dạng hóa các loại hình hoạt động bảo vệ môi trường, tạo điều kiện về cơ chế, chính sách nhằm khuyến khích cá nhân, tổ chức tham gia công tác bảo vệ môi trường, xây dựng quy hoạch các khu vực chôn lấp rác thải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật. Quan thực tiễn nghiên cứu, tác giả đã nêu ra ba giải pháp chính để hoàn thiện và phát triển các KCN tỉnh Bến Tre trong tương lai.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bến Tre (2020). *Báo cáo tình hình năng suất lao động của các Khu công nghiệp năm 2016 - 2020*.
- [2] Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bến Tre (2020). *Báo cáo tình hình thu hút đầu tư vào tỉnh Bến Tre năm 2016 - 2020*.
- [3] Chính phủ (2018). *Nghị định số 82/2018/NĐ-CP quy định về quản lý Khu công nghiệp và Khu kinh tế*.
- [4] Cục thống kê tỉnh Bến Tre (2020). *Báo cáo tình hình kinh tế xã hội giai đoạn 2017 - 2020*.
- [5] Nguyễn Ngọc Dũng (2015). *Phát triển các Khu công nghiệp đồng bộ trên địa bàn Hà Nội*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, Hà Nội.
- [6] Đan Đức Hiệp (2012). *Khu chế xuất, Khu công nghiệp, Khu kinh tế ở Việt Nam*. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.
- [7] Phạm Kim Thư (2016). *Quản lý Nhà nước đối với các Khu công nghiệp trên địa bàn thành phố Hà Nội*. Luận án Tiến sĩ Kinh tế, Trường Đại học Mở Địa chất, Hà Nội.

**Ngày nhận: 27/12/2021**

**Ngày duyệt đăng: 24/03/2022**